

# ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐẠI MỖ

DỰ THẢO



## ĐỀ ÁN

**SẮP XẾP TỔ DÂN PHỐ  
TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG ĐẠI MỖ,  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Đại Mỗ, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

## I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã; là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ do chính quyền địa phương giao theo quy định; đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy và sự quản lý trực tiếp của chính quyền địa phương.

Sau quá trình đô thị hóa, biến động dân cư, phát triển các khu đô thị, khu chung cư, khu dân cư mới và việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hiện trạng tổ dân phố trên địa bàn phường có nhiều thay đổi. Một số tổ dân phố có quy mô nhỏ, chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo quy định; một số địa bàn có quy mô quá lớn, mật độ dân cư cao, phát sinh khó khăn trong quản lý dân cư, tổ chức sinh hoạt cộng đồng và triển khai nhiệm vụ ở cơ sở.

Việc xây dựng Đề án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Đại Mỗ là cần thiết nhằm tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, bảo đảm phù hợp với quy mô số hộ, dân số, ranh giới, hạ tầng, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản trị cơ sở trong giai đoạn mới.

## II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
2. Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;
3. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;
4. Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;
5. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
6. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
7. Căn cứ Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội;
8. Công văn số 747-CV/TU ngày 02/6/2026 của Thành ủy Hà Nội về việc sắp xếp, kiện toàn mô hình chi bộ thôn, tổ dân phố;
9. Công văn số 2341/UBND-NC ngày 27/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc triển khai Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ

10. Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 04/6/2026 của UBND phường Đại Mỗ triển khai thực hiện sắp xếp tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường, tổ dân phố;

11. Tình hình thực tiễn về dân số, số hộ, ranh giới, hạ tầng kỹ thuật, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn phường Đại Mỗ

### **III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích:**

- Sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Đại Mỗ theo hướng tinh gọn, hợp lý, phù hợp tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ, Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, phù hợp quy mô dân cư, ranh giới, hạ tầng, truyền thông cộng đồng và yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tạo thuận lợi trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh và chuyển đổi số ở cơ sở.

- Tạo cơ sở kiện toàn tổ chức đảng, Ban công tác Mặt trận, các chi hội đoàn thể và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố sau sắp xếp.

#### **2. Yêu cầu:**

- Bám sát quy định của pháp luật, chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và tình hình thực tiễn của phường; bảo đảm công khai, dân chủ, thận trọng, có sự đồng thuận của Nhân dân.

- Không sắp xếp cơ học, không chạy theo chỉ tiêu giảm số lượng; phải đánh giá đầy đủ tác động về quản lý dân cư, hạ tầng, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận, đoàn thể, an ninh trật tự, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng và lịch sử cộng đồng dân cư.

- Gắn sắp xếp tổ dân phố với phương án bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách; giải quyết chế độ, chính sách đối với người không tiếp tục tham gia theo quy định; không để phát sinh khiếu nại, kiến nghị phức tạp.

### **IV. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP**

1. Việc sắp xếp tổ dân phố được thực hiện căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư, quy mô số hộ, dân số, ranh giới, điều kiện hạ tầng và yêu cầu quản lý thực tế; không mặc định loại hình tổ dân phố theo tên gọi đơn vị hành chính là phường.

2. Đối với phường Đại Mỗ, việc đổi chiều tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình phải thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP: Tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên; trường hợp có ý

u tố đặc thù thì rà soát, thuyết minh cụ thể theo quy định của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Việc sắp xếp tổ dân phố là sắp xếp tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không làm thay đổi địa giới hành chính phường; không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND phường; không làm phát sinh thủ tục bắt buộc điều chỉnh giấy tờ của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ưu tiên sáp nhập các tổ dân phố liền kề, có ranh giới tiếp giáp, giao thông thuận lợi, dân cư có sự gắn kết về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, sinh hoạt cộng đồng.

5. Không sắp xếp cơ học đối với địa bàn có yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, làng nghề, an ninh trật tự hoặc bị chia cắt bởi sông, hồ, đường giao thông lớn, khu công nghiệp, khu đô thị nếu việc sắp xếp làm giảm hiệu quả quản lý và tự quản cộng đồng.

6. Đối với khu đô thị, chung cư, khu dân cư mới, việc thành lập hoặc điều chỉnh tổ dân phố phải căn cứ số hộ thực tế đã cư trú ổn định, điều kiện hạ tầng, địa bàn quản lý và khả năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng.

7. Tên gọi tổ dân phố sau sắp xếp phải ngắn gọn, dễ nhớ, phù hợp truyền thống lịch sử, văn hóa, địa danh, không trùng lặp trong cùng phường, không gây nhầm lẫn trong quản lý; việc giữ tên gọi bằng số thứ tự đối với địa bàn đã ổn định cần được thuyết minh rõ để tránh xáo trộn không cần thiết.

8. Việc sắp xếp phải lấy ý kiến Nhân dân tại tổ dân phố chịu tác động trực tiếp; kết quả lấy ý kiến phải được tổng hợp đầy đủ, công khai, tiếp thu, giải trình rõ ràng.

## **V. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔ DÂN PHỐ**

### **1. Khái quát đặc điểm địa bàn:**

Phường Đại Mỗ được thành lập từ ngày 01/7/2025 theo Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở sắp xếp, sáp nhập địa giới hành chính của nhiều phường thuộc các quận Nam Từ Liêm, Hà Đông, Cầu Giấy và Thanh Xuân. Phường hiện có diện tích tự nhiên 8,14km<sup>2</sup> với quy mô dân số 95.566 người, gồm 35 tổ dân phố. Địa bàn có các khu vực dân cư truyền thống, khu đô thị, khu chung cư, khu dân cư mới, có các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, như sau: Cộng đồng Công giáo Phùng Khoang, làng Ngọc Trục cũ, làng Trung Văn cũ.

Phường Đại Mỗ nằm tại khu vực cửa ngõ phía Tây Nam Thủ đô. Với vị trí nằm ở điểm hội tụ các tuyến giao thông quan trọng như: đại lộ Thăng Long, đường vành đai 3, cao tốc Láng - Hòa Lạc, đường Tố Hữu, tuyến xe buýt nhanh BRT, nơi đây trở thành đầu mối giao thông quan trọng kết nối trung tâm nội đô với khu vực vệ tinh như Hòa Lạc, Xuân Mai. Phường Đại Mỗ thuộc vùng trung tâm mở rộng của Thủ đô, là nơi giao thoa các khu đô thị quy mô lớn và đồng bộ như: Vinhomes Greenbay, Mộ Lao, Trung Văn, cùng với các tổ hợp văn phòng - chung cư - trung tâm thương mại như Charmvit Tower, The Garden,... phường Đại Mỗ trở thành điểm kết nối vùng lý tưởng, góp phần quan trọng trong việc phát triển mở rộng về

phía Tây của Thủ đô Hà Nội, điều tiết mật độ dân cư và giảm tải cho các quận nội đô cũ. Phường được định hướng phát triển đô thị theo hướng thông minh, hiện đại theo Quy hoạch Thủ đô thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Sau khi thành lập, Phường nhận được sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp của Thành ủy - HĐND - UBND Thành phố; sự giúp đỡ của các Sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể Thành phố. Cán bộ, đảng viên và Nhân dân tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng; tích cực tham gia vào các phong trào thi đua; đồng thuận, chung tay xây dựng phường Đại Mỗ giàu đẹp, văn minh, trở thành đô thị xanh, văn minh, bền vững. Bên cạnh những thuận lợi, địa bàn phường còn tồn tại một số vấn đề như: Tốc độ đô thị hóa nhanh, áp lực về hạ tầng xã hội lớn; tình hình an ninh trật tự, cháy nổ tiềm ẩn phức tạp; nảy sinh nhiều bất cập trong quản lý nhà nước, phần nào ảnh hưởng trực tiếp đời sống nhân dân, quá trình đầu tư và phát triển, tạo thách thức không nhỏ đến việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ,...song với tinh thần đoàn kết, chủ động và quyết tâm chính trị cao, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân phường Đại Mỗ đã quán triệt, học tập, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ Thành phố gắn với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Phường lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 trong toàn hệ thống chính trị; cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội bằng những chương trình, kế hoạch; tổ chức thực hiện xây dựng và phát triển toàn diện, bền vững về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh.

Trong giai đoạn 2026-2030, phường Đại Mỗ quyết tâm thực hiện thành công 3 khâu đột phá: Thứ nhất, đột phá về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh. Phường quyết tâm trở thành địa phương tiên phong trong mô hình “Phường thông minh” của Thủ đô Hà Nội; Thứ hai, đột phá về phát triển đô thị, chỉnh trang và tái thiết đô thị, phát triển hạ tầng, không gian công cộng. Phường tập trung phát triển và tái thiết đô thị gắn với đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; Thứ ba, là đột phá về nâng cao chất lượng cán bộ, xây dựng tổ chức Đảng và hệ thống chính trị chuyên nghiệp, thân thiện, đổi mới. Phường Đại Mỗ xác định nhiệm vụ trọng tâm là kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ gần dân, hiểu dân, trọng dân, hết lòng vì dân.

## **2. Hiện trạng số lượng, quy mô**

Hiện nay, trên địa bàn phường Đại Mỗ có nhiều Tổ dân phố (TDP) có quy mô dân số nhỏ, số lượng hộ gia đình ít, chênh lệch lớn về quy mô dân số giữa các Tổ dân phố. Mặt khác, Tổ dân phố có quy mô nhỏ làm tăng chi phí về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, quản lý vận hành, trong khi hiệu quả hoạt động lại không tương xứng. Việc sắp xếp lại theo hướng giảm số lượng, tăng quy mô, đồng bộ về tổ chức và quản lý là điều kiện để cải thiện năng lực quản lý nhà nước và phát huy sức mạnh cộng đồng.

Hiện trạng 35 Tổ dân phố của phường Đại Mỗ như sau:

STT	Tên tổ dân phố	Loại hình	Hiện trạng		Diện tích (km <sup>2</sup> )	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
			Số hộ	Nhân khẩu			
1	Tổ dân phố số 1 Trung Văn	TDP	603	2.247	0,03	Khu đô thị	Sắp xếp
2	Tổ dân phố số 2 Trung Văn	TDP	591	1.858	0,17	Khu đô thị	Sắp xếp
3	Tổ dân phố số 3 Trung Văn	TDP	585	2.125	0,05	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
4	Tổ dân phố số 4 Trung Văn	TDP	387	1.364	0,1	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
5	Tổ dân phố số 5 Trung Văn	TDP	856	3.898	0,13	Dân cư truyền thống	Cơ bản giữ nguyên
6	Tổ dân phố số 6 Trung Văn	TDP	278	906	0,01	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
7	Tổ dân phố số 8 Trung Văn	TDP	380	1.242	0,047	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
8	Tổ dân phố số 9 Trung Văn	TDP	178	453	0,008	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
9	Tổ dân phố số 10 Trung Văn	TDP	124	355	0,01	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
10	Tổ dân phố số 19 Trung Văn	TDP	283	2.793	0,79	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
11	Tổ dân phố số 12 Trung Văn	TDP	841	2.701	0,15	Khu đô thị	Giữ nguyên
12	Tổ dân phố số 14 Trung Văn	TDP	710	2.285	0,76	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
13	Tổ dân phố số 15 Trung Văn	TDP	349	1.059	0,046	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
14	Tổ dân phố số 16 Trung Văn	TDP	1.082	3.701	0,146	Khu chung cư	Giữ nguyên
15	Tổ dân phố số 17 Trung Văn	TDP	1.447	3.745	0,52	Dân cư truyền thống	Giữ nguyên
16	Tổ dân phố số 18 Trung Văn	TDP	1.226	3.346	1,48	Dân cư truyền thống	Cơ bản giữ nguyên
17	Tổ dân phố số 21 Trung Văn	TDP	920	3.002	0,13	Khu đô thị	Giữ nguyên
18	Tổ dân phố Vinhomes Greenbay Mễ Trì	TDP	2.264	4.965	0,38	Khu đô thị	Giữ nguyên

STT	Tên tổ dân phố	Loại hình	Hiện trạng		Diện tích (km <sup>2</sup> )	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
			Số hộ	Nhân khẩu			
19	Tổ dân phố số 7 Trung Văn	TDP	432	1.526	0,005	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
20	Tổ dân phố Ecolife Mỹ Trì	TDP	519	1.295	0,01	Khu chung cư	Sắp xếp
21	Tổ dân phố số 11 Trung Văn	TDP	346	1.145	0,05	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
22	Tổ dân phố số 13 Trung Văn	TDP	290	1.015	0,09	Khu chung cư	Sắp xếp
23	Tổ dân phố số 1 Mỹ Trì	TDP	1.552	3.453	0,516	Khu đô thị	Cơ bản giữ nguyên
24	Tổ dân phố số 37 Nhân Chính	TDP	624	1.960	0,214	Dân cư truyền thống	Sắp xếp
25	Tổ dân phố số 24 Trung Hòa	TDP	701	2.075	0,033	Khu đô thị	Sắp xếp
26	Tổ dân phố số 24A Trung Hòa	TDP	431	1.526	0,004	Khu đô thị	Sắp xếp
27	Tổ dân phố số 24 B Trung Hòa	TDP	780	1.103	0,04	Khu đô thị	Giữ nguyên
28	Tổ dân phố Liên Cơ	TDP	728	2.667	0,81	Dân cư truyền thống	Cơ bản giữ nguyên
29	Tổ dân phố Ngọc Đại	TDP	1.971	6.571	0,74	Dân cư truyền thống và Khu đô thị	Cơ bản giữ nguyên
30	Tổ dân phố số 2 Ngọc Trục	TDP	966	3.248	0,529	Dân cư truyền thống	Giữ nguyên
31	Tổ dân phố số 1 Ngọc Trục	TDP	1.175	4.156	0,66	Dân cư truyền thống	Cơ bản giữ nguyên
32	Tổ dân phố số 13 Đại Mỗ	TDP	1.214	4.248	0,66	Khu đô thị	Giữ nguyên
33	Tổ dân phố số 12 Đại Mỗ	TDP	809	2.568	0,084	Khu đô thị	Giữ nguyên
34	Tổ dân phố số 12 Mộ Lao	TDP	1.365	3.932	0,05	Khu đô thị	Giữ nguyên
35	Tổ dân phố số 17 Mộ Lao	TDP	1.470	4.695	0,06	Khu đô thị	Giữ nguyên

### 3. Bảng đối chiếu tiêu chí và định hướng xử lý

TT	Tên TDP	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
1	Tổ dân phố số 1 Trung Văn	TDP	603	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt	Sáp nhập	Có vị trí liền kề, chung đặc điểm là dân cư các khu đô thị.
2	Tổ dân phố số 2 Trung Văn	TDP	591	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt		
3	Tổ dân phố số 3 Trung Văn	TDP	585	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt	Sáp nhập	Có vị trí liền kề, chung đặc điểm là dân cư truyền thống, có cộng đồng người Công giáo (gần Giáo xứ Phùng Khoang)
4	Tổ dân phố số 4 Trung Văn	TDP	387	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt		
5	Tổ dân phố số 5 Trung Văn	TDP	856	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Cơ bản giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
6	Tổ dân phố số 6 Trung Văn	TDP	278	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt	Sáp nhập	TDP có vị trí liền kề, có đặc thù dân cư truyền thống
7	Tổ dân phố số 8 Trung Văn	TDP	380	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt		
8	Tổ dân phố số 9 Trung Văn	TDP	178	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt		
9	Tổ dân phố số 10 Trung Văn	TDP	124	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt		
10	Tổ dân phố số 19 Trung Văn	TDP	283	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt		
11	Tổ dân phố số 12 Trung Văn	TDP	841	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP

12	Tổ dân phố số 14 Trung Văn	TDP	710	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Sáp nhập	Hai TDP có vị trí liền kề, sau khi sáp nhập đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
13	Tổ dân phố số 15 Trung Văn	TDP	349	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt		
14	Tổ dân phố số 16 Trung Văn	TDP	1.082	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
15	Tổ dân phố số 17 Trung Văn	TDP	1.447	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
16	Tổ dân phố số 18 Trung Văn	TDP	1.226	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Cơ bản giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
17	Tổ dân phố số 21 Trung Văn	TDP	920	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
18	Tổ dân phố Vinhomes Greenbay Mỹ Trì	TDP	2.264	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
19	Tổ dân phố số 7 Trung Văn	TDP	432	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt	Chia tách	TDP chưa có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
20	Tổ dân phố Ecolife Mỹ Trì	TDP	519	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt	Sắp xếp	TDP chưa có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
21	Tổ dân phố số 11 Trung Văn	TDP	346	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt	Sắp xếp	Hai TDP có vị trí liền kề, sau khi sáp nhập đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
22	Tổ dân phố số 13 Trung Văn	TDP	290	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt		

23	Tổ dân phố số 1 Mễ Trì	TDP	1.552	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Cơ bản giữ nguyên	TDP có đủ số lượng hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
24	Tổ dân phố số 37 Nhân Chính	TDP	624	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt	Sắp xếp	TDP chưa có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
25	Tổ dân phố số 24 Trung Hòa	TDP	701	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Sắp xếp	Hai TDP có vị trí liền kề, sau khi sắp xếp đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
26	Tổ dân phố số 24A Trung Hòa	TDP	431	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Chưa đạt		
27	Tổ dân phố số 24 B Trung Hòa	TDP	780	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
28	Tổ dân phố Liên Cơ	TDP	728	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Cơ bản giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
29	Tổ dân phố Ngọc Đại	TDP	1.971	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Cơ bản giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
30	Tổ dân phố số 2 Ngọc Trục	TDP	966	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
31	Tổ dân phố số 1 Ngọc Trục	TDP	1.175	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Cơ bản giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
32	Tổ dân phố số 13 Đại Mỗ	TDP	1.214	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
33	Tổ dân phố số 12 Đại Mỗ	TDP	809	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP

34	Tổ dân phố số 12 Mộ Lao	TDP	1.365	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP
35	Tổ dân phố số 17 Mộ Lao	TDP	1.470	TDP phải có từ 700 hộ gia đình trở lên	Đạt	Giữ nguyên	TDP có đủ số hộ gia đình theo Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP

#### 4. Hiện trạng tổ chức hệ thống chính trị và người hoạt động không chuyên trách

Chức danh/Nội dung	Hiện có	Sau sắp xếp	Tăng/giảm	Ghi chú
Tổ trưởng TDP	33	25	-10	
Tổ trưởng TDP kiêm Bí thư chi bộ	2	0	-2	
Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban CTMT	29	0	-29	
Bí thư chi bộ	4	25	21	
Trưởng ban công tác Mặt trận	6	25	19	
Phó Tổ trưởng TDP	33	38	5	
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	29	29	0	

## VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CỤ THỂ

### 1. Tổng hợp phương án chung

Nội dung	Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Tăng/giảm
Tổng số Tổ dân phố	35	25	Giảm 10 Tổ dân phố
Số người hoạt động không chuyên trách ở Tổ dân phố	107	114	Tăng 07 người (tăng do số lượng Phó Tổ trưởng TDP thuộc chức danh NHD KCT)
Số chi bộ	35	25	Giảm 10 chi bộ
Số Ban công tác Mặt trận	35	25	Giảm 10 Ban CTMT

## 2. Phương án sáp nhập:

Việc rà soát, sắp xếp lại Tổ dân phố theo quy mô dân số quy định, tạo điều kiện thuận lợi và nhanh chóng trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ Nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền địa phương, đồng thời, bảo đảm và đề cao tính tự quản của cộng đồng dân cư; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng, tiếp tục giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương.

Phương án sáp nhập cụ thể như sau:

### 2.1. Sáp nhập Tổ dân phố số 1 Trung Văn và Tổ dân phố số 2 Trung Văn

Nội dung	Tổ dân phố số 1 Trung Văn	Tổ dân phố số 2 Trung Văn	Sau sáp nhập
Số hộ	603	591	1.194
Dân số	2.247	1.858	3.605
Diện tích (km <sup>2</sup> )	0,03	0,17	0,2
Số đảng viên	55	62	117
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	5

### 2.2. Sáp nhập Tổ dân phố số 3 Trung Văn và Tổ dân phố số 4 Trung Văn:

Nội dung	Tổ dân phố số 3 Trung Văn	Tổ dân phố số 4 Trung Văn	Sau sáp nhập
Số hộ	585	387	972
Dân số	2.125	1.364	3.489
Diện tích (km <sup>2</sup> )	0,05	0,1	0,15
Số đảng viên	58	24	82
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	4

2.3. Sáp nhập Tổ dân phố số 6 Trung Văn, Tổ dân phố số 8 Trung Văn, Tổ dân phố số 9 Trung Văn, Tổ dân phố số 10 Trung Văn và Tổ dân phố số 19 Trung Văn:

<b>Nội dung</b>	<b>Tổ dân phố số 6 Trung Văn</b>	<b>Tổ dân phố số 8 Trung Văn</b>	<b>Tổ dân phố số 9 Trung Văn</b>	<b>Tổ dân phố số 10 Trung Văn</b>	<b>Tổ dân phố số 19 Trung Văn</b>	<b>Sau sáp nhập</b>
Số hộ	278	380	178	124	283	1.243
Dân số	906	1.242	453	355	2.793	5.749
Diện tích (km <sup>2</sup> )	0,01	0,047	0,008	0,01	0,079	0,865
Số đảng viên	43	101	23	25	76	268
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	0	0	0	2
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	2	2	2	5

**2.4. Sáp nhập Tổ dân phố số 11 Trung Văn, Tổ dân phố số 13 Trung Văn và một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn**

<b>Nội dung</b>	<b>Tổ dân phố số 11 Trung Văn</b>	<b>Tổ dân phố số 13 Trung Văn</b>	<b>Một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn</b>	<b>Sau sáp nhập</b>
Số hộ	346	290	68	704
Dân số	1.145	1.015	136	2.296
Diện tích (km <sup>2</sup> )	0,05	0,09	0	0,14
Số đảng viên	102	38	0	140
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	0	1	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	0	4

**2.5. Sáp nhập Tổ dân phố số 14 Trung Văn và Tổ dân phố số 15 Trung Văn**

<b>Nội dung</b>	<b>Tổ dân phố số 14 Trung Văn</b>	<b>Tổ dân phố số 15 Trung Văn</b>	<b>Sau sáp nhập</b>
Số hộ	710	349	1.059
Dân số	2.285	1.059	3.344
Diện tích (km <sup>2</sup> )	0,76	0,046	0,806
Số đảng viên	111	61	172

<b>Nội dung</b>	<b>Tổ dân phố số 14 Trung Văn</b>	<b>Tổ dân phố số 15 Trung Văn</b>	<b>Sau sáp nhập</b>
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
Người hoạt động không chuyên trách	3	2	5

### **2.6. Sáp nhập Tổ dân phố số 24 Trung Hòa và Tổ dân phố số 24A Trung Hòa**

<b>Nội dung</b>	<b>Tổ dân phố số 24 Trung Hòa</b>	<b>Tổ dân phố số 24A Trung Hòa</b>	<b>Sau sáp nhập</b>
Số hộ	701	431	1.132
Dân số	2.075	1.526	3.601
Diện tích (km <sup>2</sup> )	0,004	0,04	0,044
Số đảng viên	69	38	107
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
Người hoạt động không chuyên trách	2	3	5

### **3. Phương án giữ nguyên**

<b>STT</b>	<b>Tên TDP</b>	<b>Loại hình</b>	<b>Số hộ</b>	<b>Dân số</b>	<b>Lý do giữ nguyên</b>
1.	Tổ dân phố số 5 Trung Văn	TDP	906	3.998	Cơ bản giữ nguyên (bổ sung một phần diện tích khu tập thể Địa chất, 50 hộ gia đình từ TDP số 11 Trung Văn)
2.	Tổ dân phố 12 Trung Văn	TDP	841	2.701	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
3.	Tổ dân phố 16 Trung Văn	TDP	1.082	3.071	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
4.	Tổ dân phố 17 Trung Văn	TDP	1.447	3.745	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
5.	Tổ dân phố 18 Trung Văn	TDP	1.206	3.306	Cơ bản giữ nguyên (tách một phần diện tích Khu tập thể X49, 20 hộ gia đình về TDP Liên Cơ)
6.	Tổ dân phố 21 Trung Văn	TDP	920	3.002	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định

STT	Tên TDP	Loại hình	Số hộ	Dân số	Lý do giữ nguyên
7.	Tổ dân phố Vinhomes Greenbay Mễ Trì	TDP	2.264	4.965	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
8.	Tổ dân phố 1 Mễ Trì	TDP	1.456	3.261	Cơ bản giữ nguyên - Tách một phần diện tích Khu giáp đường hồ Mễ Trì, 37 hộ về TDP số 37 Nhân Chính. - Tách một phần diện tích khu mặt đường Lương Thế Vinh, 45 hộ về TDP Ecolife. - Tách một phần diện tích Trụ sở Công ty Viglacera và khu dân cư liền kề (khu dãy Xoan cũ), 14 hộ về TDP số 24 Trung Hòa.
9.	Tổ 24 B Trung Hòa	TDP	780	1.103	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
10.	Tổ dân phố Liên Cơ	TDP	748	2.667	Cơ bản giữ nguyên (bổ sung một phần diện tích Khu tập thể X49, 20 hộ gia đình từ TDP số 18 Trung Văn).
11.	Tổ dân phố Ngọc Đại	TDP	1.945	6.519	Cơ bản giữ nguyên (tách một diện tích của khu đất 26 hộ đầu phố Ngọc Trục sang TDP số 1 Ngọc Trục)
12.	Tổ dân phố số 2 Ngọc Trục	TDP	966	3.248	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
13.	Tổ dân phố số 1 Ngọc Trục	TDP	1.201	4.208	Cơ bản giữ nguyên (bổ sung một phần diện tích, 26 hộ gia đình từ TDP Ngọc Đại)
14.	Tổ dân phố số 13 Đại Mỗ	TDP	1.214	4.248	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
15.	Tổ dân phố số 12 Đại Mỗ	TDP	809	2.568	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
16.	Tổ dân phố 12 Mộ Lao	TDP	1.365	3.932	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
17.	Tổ dân phố 17 Mộ Lao	TDP	1.470	4.695	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định

#### 4. Phương án chia tách Tổ dân phố số 7 Trung Văn

- Chia tách một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn: Khu dân cư ngõ 385 đường Lương Thế Vinh giáp Tổ dân phố số 11 Trung Văn gồm 68 hộ gia đình về Tổ dân phố số 11 Trung Văn.

- Chia tách một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn: Tòa nhà Lilama đường Tố Hữu và phía bên trái ngõ 14 phố Vũ Hữu về Tổ dân phố số 37 Nhân Chính, 72 hộ gia đình.

- Chia tách một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn: Khu dân cư từ đường hồ Mễ Trì đến đường Lương Thế Vinh (gồm Công viên Phùng Khoang), ghép với Tổ dân phố Ecolife Mễ Trì, 292 hộ gia đình.

#### 5 Phương án sắp xếp

##### 5.1. Sắp xếp Tổ dân phố Ecolife Mễ Trì và một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn, một phần Tổ dân phố số 1 Mễ Trì

Nội dung	Tổ dân phố Ecolife Mễ Trì	Một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn	Một phần Tổ dân phố số 1 Mễ Trì	Sau sắp nhập
Số hộ	519	292	45	856
Dân số	1.295	1.246	90	2.631
Diện tích (km <sup>2</sup> )	0,01	0,005	0	0,015
Số đảng viên	38	77	0	115
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	0	0	1
Người hoạt động không chuyên trách	2	2	0	4

##### 5.2. Sắp xếp Tổ dân phố số 37 Nhân Chính và một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn, một phần Tổ dân phố số 1 Mễ Trì

Nội dung	Tổ dân phố số 37 Nhân Chính	Một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn	Một phần Tổ dân phố số 1 Mễ Trì	Sau sắp nhập
Số hộ	624	72	37	733
Dân số	1.960	144	74	2.178
Diện tích (km <sup>2</sup> )	0,21	0	0	0,21
Số đảng viên	142	0	0	142
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	0	0	0	0
Người hoạt động không chuyên trách	3	0	0	4



## **IX. PHƯƠNG ÁN KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ SAU SẮP XẾP**

### **1. Kiến toàn tổ chức đảng, Mặt trận và các chi hội đoàn thể**

Đảng ủy phường chỉ đạo rà soát, kiến toàn chi bộ tại các Tổ dân phố sau sắp xếp; bảo đảm tổ chức đảng phù hợp với địa bàn dân cư mới, không làm gián đoạn công tác lãnh đạo ở cơ sở. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội rà soát, kiến toàn Ban công tác Mặt trận, chi hội, chi đoàn sau sắp xếp theo quy định, phù hợp điều lệ của từng tổ chức.

### **2. Phương án người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố**

Với phương án sắp xếp tổ dân phố nêu trên, số lượng tổ dân phố còn lại 25 tổ dân phố. Trong đó, theo quy mô số hộ gia đình quy định tại Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội; chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở Tổ dân phố có không quá 05 người, gồm 04 chức danh sau: Bí thư Chi bộ Tổ dân phố; Tổ trưởng Tổ dân phố; Trưởng ban Công tác mặt trận Tổ dân phố; Phó Tổ trưởng tổ dân phố (Tổ dân phố có quy mô hộ gia đình từ 1.000 hộ được bố trí tối đa 02 Phó Tổ trưởng Tổ dân phố).

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở Tổ dân phố hiện có là 74 người (không tính 33 Phó Tổ trưởng dân phố).

- Số Tổ dân phố có quy mô hộ gia đình trên 1.000 hộ là 14 tổ dân phố.

- Số Tổ dân phố có quy mô hộ gia đình nhỏ hơn 1.000 hộ là 11 tổ dân phố.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên số lượng người hoạt động không chuyên trách ở Tổ dân phố sau khi sắp xếp được phép bố trí không quá 114 người.

- Lộ trình giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách Tổ dân phố thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của UBND Thành phố, Sở Nội vụ.

Về Tổ Trưởng Tổ dân phố sau sắp xếp: Dự kiến quyết định cử Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời (trong thời hạn 12 tháng) để điều hành hoạt động của Tổ dân phố cho đến khi bầu được Tổ trưởng tổ dân phố mới theo quy định. Việc công nhận các Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

## **X. TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP**

### **1. Tác động về tổ chức:**

Việc sắp xếp giảm 10 Tổ dân phố, tương ứng giảm 10 đầu mối tự quản ở cộng đồng dân cư, góp phần tinh gọn tổ chức, thuận lợi hơn trong chỉ đạo, điều hành của UBND phường và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở địa bàn dân cư.

## **2. Tác động về người hoạt động không chuyên trách:**

Sau sắp xếp Tổ dân phố, phải đảm bảo chế độ, chính sách, tâm tư nguyện vọng của người không tiếp tục tham gia theo quy định.

## **3. Tác động về ngân sách:**

Việc quy định chức danh, số lượng, chế độ, chính sách, đào tạo, bồi dưỡng, bảo hiểm và quản lý người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố theo Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tạo cơ sở pháp lý thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý, tự quản cộng đồng ở Tổ dân phố; nguồn lực triển khai từ ngân sách theo phân cấp, hạ tầng và nhân lực hiện có; cần triển khai tập huấn, hướng dẫn.

## **4. Tác động đến người dân:**

Việc sắp xếp Tổ dân phố không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ công dân; không làm thay đổi địa giới hành chính của phường; không làm ảnh hưởng đến giấy tờ pháp lý cá nhân, hộ gia đình nếu pháp luật không yêu cầu điều chỉnh.

## **5. Tác động đến quản lý nhà nước:**

Sau sắp xếp, UBND phường có điều kiện quản lý địa bàn tập trung hơn, thuận lợi trong quản lý dữ liệu dân cư, triển khai dịch vụ công, chuyển đổi số, bảo đảm an ninh trật tự, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở.

## **XI. THẨM QUYỀN, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ TRÌNH QUYẾT ĐỊNH**

UBND phường xây dựng Đề án sắp xếp Tổ dân phố trên địa bàn; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại các Tổ dân phố chịu tác động trực tiếp; báo cáo Đảng ủy phường; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường hoàn thiện hồ sơ; trình HĐND phường xem xét, quyết định việc tổ chức lại, đặt tên, đổi tên Tổ dân phố theo thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND và các quy định pháp luật có liên quan.

Hồ sơ trình gồm:

- (1) Tờ trình của UBND phường;
- (2) Đề án sắp xếp tổ dân phố;
- (3) Dự thảo Nghị quyết của HĐND phường;
- (4) Báo cáo tổng hợp hiện trạng tổ dân phố;
- (5) Danh sách tổ dân phố trước và sau sắp xếp;
- (6) Bản đồ hoặc sơ đồ ranh giới tổ dân phố trước và sau sắp xếp;
- (7) Biên bản, phiếu lấy ý kiến, biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
- (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân;

- (9) Văn bản của Đảng ủy phường cho ý kiến về phương án sắp xếp;  
 (10) Văn bản của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường;  
 (11) Phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự, người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố;  
 (12) Dự toán kinh phí thực hiện;  
 (13) Các tài liệu khác có liên quan.

## XII. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Giai đoạn	Thời gian dự kiến	Nội dung chủ yếu	Cơ quan chủ trì/phối hợp
Rà soát, xây dựng Đề án	Trước 05/6/2026	Rà soát số liệu, ranh giới, dân cư, nhân sự, cơ sở vật chất; xây dựng dự thảo Đề án	UBND phường (Phòng chuyên môn được phân công tham mưu: Phòng Văn hóa - Xã hội)
Báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ phường	Trước 12/6/2026	Dự thảo Đề án	UBND phường (Phòng chuyên môn được phân công tham mưu: Phòng Văn hóa - Xã hội)
Lấy ý kiến Nhân dân	12/6/2026 - 19/6/2026	Công khai phương án; tổ chức hội nghị/phát phiếu; tổng hợp, tiếp thu, giải trình	UBND phường (Phòng chuyên môn được phân công tham mưu: Phòng Văn hóa - Xã hội); UB MTTQ VN phường; Các Tổ dân phố
Báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ phường	20/6/2026 - 21/6/2026	Dự thảo Đề án (nếu có điều chỉnh)	UBND phường (Phòng chuyên môn được phân công tham mưu: Phòng Văn hóa - Xã hội)
Trình HĐND phường	22/06/2026 - 24/6/2026	Hoàn thiện hồ sơ; trình kỳ họp HĐND phường xem xét, quyết định	UBND phường (Phòng chuyên môn được phân công tham mưu: Phòng Văn hóa - Xã hội; Văn phòng HĐND và UBND phường)

<b>Giai đoạn</b>	<b>Thời gian dự kiến</b>	<b>Nội dung chủ yếu</b>	<b>Cơ quan chủ trì/phối hợp</b>
Tổ chức thực hiện	Trước 30/6/2026	Công bố Nghị quyết; kiện toàn tổ chức, nhân sự; bàn giao hồ sơ, tài sản; cập nhật dữ liệu	UBND phường (Phòng chuyên môn được phân công tham mưu: Phòng Văn hóa - Xã hội); các cơ quan, đơn vị liên quan

### **XIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Từ nguồn ngân sách nhà nước giao thực hiện sắp xếp Tổ dân phố.

### **XIV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Văn hóa - Xã hội:**

- Là cơ quan thường trực, chủ trì xây dựng, hoàn thiện hồ sơ Đề án; tổ chức rà soát hiện trạng, số liệu dân cư, số hộ, thiết chế văn hóa, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách; tham mưu phương án bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách sau sắp xếp. Rà soát yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, thiết chế văn hóa, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; tham mưu việc đặt tên, đổi tên Tổ dân phố.

- Tham mưu cho UBND phường tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân; Báo cáo Đảng ủy phường; phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam phường hoàn thiện hồ sơ sắp xếp Tổ dân phố.

- Tổng hợp hồ sơ trình HĐND phường xem xét, quyết định sắp xếp theo thẩm quyền quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ; Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và các quy định pháp luật có liên quan. Hồ sơ trình gồm:

- (1) Tờ trình của UBND phường;
- (2) Đề án sắp xếp tổ dân phố;
- (3) Dự thảo Nghị quyết của HĐND phường;
- (4) Báo cáo tổng hợp hiện trạng tổ dân phố;
- (5) Danh sách tổ dân phố trước và sau sắp xếp;
- (6) Bản đồ hoặc sơ đồ ranh giới tổ dân phố trước và sau sắp xếp;
- (7) Biên bản, phiếu lấy ý kiến, biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
- (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân;
- (9) Văn bản của Đảng ủy phường cho ý kiến về phương án sắp xếp;

(10) Văn bản của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường;

(11) Phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự, người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố;

(12) Dự toán kinh phí thực hiện;

(13) Các tài liệu khác có liên quan.

- Chủ động phối hợp với Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban MTTQ Việt Nam phường thực hiện rà soát, báo cáo công tác kiện toàn tổ chức và nhân sự sau sắp xếp đối với các Tổ dân phố theo đúng hướng dẫn của Trung ương, Thành phố.

## **2. Văn phòng HĐND và UBND phường:**

- Chuẩn bị các điều kiện, cơ sở vật chất tổ chức các Hội nghị phục vụ công tác rà soát, sắp xếp tổ dân phố.

- Tham mưu chương trình, hồ sơ trình HĐND phường; rà soát thể thức, kỹ thuật trình bày Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, phụ lục kèm nghị quyết; phối hợp chuẩn bị kỳ họp, công bố, theo dõi tiến độ thực hiện Nghị quyết sau khi được thông qua.

## **3. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị:**

- Chủ trì rà soát ranh giới tổ dân phố; lập sơ đồ, bản đồ hiện trạng và phương án ranh giới sau sắp xếp; đánh giá sự phù hợp về giao thông, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, khu đô thị, chung cư, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; tham mưu phương án quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, tài sản công, thiết chế văn hóa, hạ tầng kỹ thuật có liên quan sau sắp xếp.

- Tham mưu UBND phường bố trí kinh phí và thanh quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, tổ dân phố theo quy định.

- Tham mưu việc bố trí, xử lý tài sản, trụ sở, nhà văn hóa, thiết chế liên quan của tổ dân phố sau sắp xếp bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, tránh thất thoát, lãng phí.

## **4. Công an phường:**

- Chủ trì phối hợp với các tổ dân phố rà soát số hộ gia đình, dân số, biến động dân cư, địa bàn quản lý, tình hình an ninh trật tự (không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở); đánh giá tác động của phương án sắp xếp đến công tác quản lý dân cư, phòng cháy, chữa cháy, an ninh cơ sở, trật tự đô thị, trật tự công cộng; tham gia ý kiến đối với phương án ranh giới tổ dân phố sau sắp xếp.

- Rà soát, kiện toàn, bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phù hợp với việc sắp xếp tổ dân phố.

## **5. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao phường:**

Kịp thời thông tin, tuyên truyền các thông tin chính thống về quy định của Trung ương, Thành phố đối với công tác sắp xếp tổ dân phố, phối hợp xử lý thông tin sai lệch, gây hoang mang trong Nhân dân theo thẩm quyền.

## **6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường:**

- Phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân; tham gia tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình; giám sát việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch; tổng hợp tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân để UBND phường tiếp thu, giải trình.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận với phương án sắp xếp; rà soát, kiện toàn các chi hội đoàn thể ở tổ dân phố sau sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với địa bàn dân cư mới.

### **7. Tổ trưởng, Trưởng Ban công tác Mặt trận ở tổ dân phố:**

Phối hợp cung cấp số liệu, danh sách hộ gia đình, tình hình dân cư, cơ sở vật chất, thiết chế cộng đồng; tham gia tổ chức hội nghị hoặc phát phiếu lấy ý kiến Nhân dân; tuyên truyền, giải thích để Nhân dân hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc sắp xếp; thực hiện bàn giao hồ sơ, tài sản, tài liệu, công việc sau khi phương án được cấp có thẩm quyền quyết định.

## **XV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Đề nghị UBND Thành phố tiếp tục quan tâm, hỗ trợ kinh phí để đầu tư hạ tầng kỹ thuật - xã hội cho các Tổ dân phố sau sắp xếp, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho đời sống và sản xuất của Nhân dân. Đồng thời, có chính sách hỗ trợ miễn phí cho người dân, doanh nghiệp trong việc điều chỉnh, cập nhật thông tin trên các giấy tờ, hồ sơ có liên quan sau sắp xếp tổ dân phố.

2. Ưu tiên triển khai các dự án chuyển đổi số, xây dựng dữ liệu dân cư đồng bộ, phục vụ tốt hơn công tác quản lý nhà nước tại cơ sở.

3. Đề nghị Sở Nội vụ có văn bản hướng dẫn cụ thể về thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách nghỉ tinh giản khi sắp xếp Tổ dân phố.

Trên đây là Đề án sắp xếp Tổ dân phố của UBND phường Đại Mỗ./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND Thành phố Hà Nội; } (để báo cáo)
- Sở Nội vụ Hà Nội;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Ban TT UBMTTQ VN phường;
- Các đ/c Lãnh đạo UBND phường;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc phường;
- Các Tổ dân phố;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phùng Ngọc Sơn**

## PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH HIỆN TRẠNG TỔ DÂN PHỐ

STT	Tên tổ dân phố	Loại hình	Hiện trạng		Diện tích (km <sup>2</sup> )	Chi bộ	Nhà văn hóa/Điểm sinh hoạt cộng đồng	Người HDKCT	Đánh giá
			Số hộ	Dân số					
1	Tổ dân phố số 1 Trung Văn	TDP	603	2.247	0,03	Có	Có	2	Sắp xếp
2	Tổ dân phố số 2 Trung Văn	TDP	591	1.858	0,17	Có	Có	2	Sắp xếp
3	Tổ dân phố số 3 Trung Văn	TDP	585	2.125	0,05	Có	Có	2	Sắp xếp
4	Tổ dân phố số 4 Trung Văn	TDP	387	1.364	0,1	Có	Có	2	Sắp xếp
5	Tổ dân phố số 5 Trung Văn	TDP	856	3.898	0,13	Có	Có	2	Cơ bản giữ nguyên
6	Tổ dân phố số 6 Trung Văn	TDP	278	906	0,01	Có	Có	2	Sắp xếp
7	Tổ dân phố số 8 Trung Văn	TDP	380	1.242	0,047	Có	Có	2	Sắp xếp
8	Tổ dân phố số 9 Trung Văn	TDP	178	453	0,008	Có	Không	2	Sắp xếp
9	Tổ dân phố số 10 Trung Văn	TDP	124	355	0,01	Có	Không	2	Sắp xếp
10	Tổ dân phố số 19 Trung Văn	TDP	283	2.793	0,079	Có	Không	2	Sắp xếp
11	Tổ dân phố số 12 Trung Văn	TDP	841	2.701	0,15	Có	Có	2	Giữ nguyên
12	Tổ dân phố số 14 Trung Văn	TDP	710	2.285	0,76	Có	Có	3	Sắp xếp
13	Tổ dân phố số 15 Trung Văn	TDP	349	1.059	0,046	Có	Có	2	Sắp xếp
14	Tổ dân phố số 16 Trung Văn	TDP	1.082	3.701	0,146	Có	Có	2	Giữ nguyên
15	Tổ dân phố số 17 Trung Văn	TDP	1.447	3.745	0,52	Có	Có	2	Giữ nguyên
16	Tổ dân phố số 18 Trung Văn	TDP	1.226	3.346	1,48	Có	Có	2	Cơ bản giữ nguyên
17	Tổ dân phố số 21 Trung Văn	TDP	920	3.002	0,13	Có	Có	2	Giữ nguyên

STT	Tên tổ dân phố	Loại hình	Hiện trạng		Diện tích (km <sup>2</sup> )	Chi bộ	Nhà văn hóa/Điểm sinh hoạt cộng đồng	Người HDKCT	Đánh giá
			Số hộ	Dân số					
18	Tổ Vinhomes Greenbay Mễ Trì	TDP	2.264	4.965	0,38	Có	Có	2	Giữ nguyên
19	Tổ dân phố số 7 Trung Văn	TDP	432	1.526	0,005	Có	Không	2	Sắp xếp
20	Tổ Ecolife Mễ Trì	TDP	519	1.295	0,01	Có	Có	2	Sắp xếp
21	Tổ dân phố 11 Trung Văn	TDP	346	1.145	0,05	Có	Không	2	Sắp xếp
22	Tổ dân phố 13 Trung Văn	TDP	290	1.015	0,09	Có	Có	2	Sắp xếp
23	Tổ dân phố 1 Mễ Trì	TDP	1.552	3.453	0,516	Có	Có	2	Cơ bản giữ nguyên
24	Tổ dân phố số 37 Nhân Chính	TDP	624	1.960	0,214	Có	Không	3	Sắp xếp
25	Tổ 24 Trung Hòa	TDP	701	2.075	0,033	Có	Có	2	Sắp xếp
26	Tổ 24A Trung Hòa	TDP	431	1.526	0,004	Có	Có	3	Sắp xếp
27	Tổ 24 B Trung Hòa	TDP	780	1.103	0,04	Có	Có	3	Giữ nguyên
28	Tổ dân phố Liên Cơ	TDP	728	2.667	0,81	Có	Có	2	Cơ bản giữ nguyên
29	Tổ dân phố Ngọc Đại	TDP	1.971	6.571	0,74	Có	Có	2	Cơ bản giữ nguyên
30	Tổ dân phố số 2 Ngọc Trục	TDP	966	3.248	0,529	Có	Có	2	Giữ nguyên
31	Tổ dân phố số 1 Ngọc Trục	TDP	1.175	4.156	0,66	Có	Có	2	Cơ bản giữ nguyên
32	Tổ dân phố số 13 Đại Mỗ	TDP	1.214	4.248	0,66	Có	Có	2	Giữ nguyên
33	Tổ dân phố số 12 Đại Mỗ	TDP	809	2.568	0,084	Có	Có	2	Giữ nguyên
34	Tổ dân phố 12 Mộ Lao	TDP	1.365	3.932	0,05	Có	Có	2	Giữ nguyên

STT	Tên tổ dân phố	Loại hình	Hiện trạng		Diện tích (km <sup>2</sup> )	Chi bộ	Nhà văn hóa/Điểm sinh hoạt cộng đồng	Người HDKCT	Đánh giá
			Số hộ	Dân số					
35	Tổ dân phố 17 Mộ Lao	TDP	1.470	4.695	0,06	Có	Có	2	Giữ nguyên

## PHỤ LỤC 2. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ DÂN PHỐ

STT	Tên tổ dân phố	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
1	Tổ dân phố số 1 Trung Văn	TDP	Sáp nhập nguyên trạng	Tổ dân phố số 1 Trung Văn	1.194	3.605	
2	Tổ dân phố số 2 Trung Văn	TDP					
3	Tổ dân phố số 3 Trung Văn	TDP	Sáp nhập nguyên trạng	Tổ dân phố số 1 Phùng Khoang	972	3.489	
4	Tổ dân phố số 4 Trung Văn	TDP					
5	Tổ dân phố số 5 Trung Văn	TDP	Cơ bản giữ nguyên (bổ sung một phần diện tích khu tập thể Địa chất, 50 hộ gia đình từ TDP số 11 Trung Văn)	Tổ dân phố số 2 Phùng Khoang	906	3.998	
6	Tổ dân phố số 6 Trung Văn	TDP	Sáp nhập nguyên trạng	Tổ dân phố số 2 Trung Văn	1.243	5.749	
7	Tổ dân phố số 8 Trung Văn	TDP					
8	Tổ dân phố số 9 Trung Văn	TDP					
9	Tổ dân phố số 10 Trung Văn	TDP					
10	Tổ dân phố số 19 Trung Văn	TDP					
11	Tổ dân phố 12 Trung Văn	TDP	Giữ nguyên	Tổ dân phố số 4 Trung Văn	841	2.071	
12	Tổ dân phố 14 Trung Văn	TDP	Sáp nhập nguyên trạng	Tổ dân phố số 5 Trung Văn	1.059	3.344	
13	Tổ dân phố 15 Trung Văn	TDP					
14	Tổ dân phố 16 Trung Văn	TDP	Giữ nguyên	Tổ dân phố số 6 Trung Văn	1.082	3.701	
15	Tổ dân phố 17 Trung Văn	TDP	Giữ nguyên	Tổ dân phố số 7 Trung Văn	1.447	3.745	

STT	Tên tổ dân phố	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
16	Tổ dân phố 18 Trung Văn	TDP	Cơ bản giữ nguyên (tách một phần diện tích Khu tập thể X49, 20 hộ gia đình về TDP Liên Cơ)	Tổ dân phố số 8 Trung Văn	1.206	3.306	
17	Tổ dân phố 21 Trung Văn	TDP	Giữ nguyên	Tổ dân phố số 9 Trung Văn	920	3.002	
18	Tổ dân phố Vinhomes Greenbay Mễ Trì	TDP	Giữ nguyên	Tổ dân phố Vinhomes Greenbay	2.264	4.965	
19	Tổ dân phố số 7 Trung Văn	TDP	Chia tách				
20	Tổ Ecolife Mễ Trì	TDP	Sắp xếp Tổ dân phố Ecolife Mễ Trì và một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn, một phần Tổ dân phố số 1 Mễ Trì	Tổ dân phố số 10 Trung Văn	856	2.631	
21	Tổ dân phố 11 Trung Văn	TDP	Sáp nhập Tổ dân phố số 11 Trung Văn, Tổ dân phố số 13 Trung Văn và một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn (68 hộ khu dân cư ngõ 385 đường Lương Thế Vinh)	Tổ dân phố số 3 Trung Văn	704	2.296	
22	Tổ dân phố 13 Trung Văn	TDP					
23	Tổ dân phố 1 Mễ Trì	TDP	Cơ bản giữ nguyên - Tách một phần diện tích Khu giáp đường hồ Mễ Trì, 37 hộ về	Tổ dân phố số 1 Mễ Trì	1.456	3.261	

STT	Tên tổ dân phố	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
			TDP số 37 Nhân Chính. - Tách một phần diện tích khu mặt đường Lương Thế Vinh, 45 hộ về TDP Ecolife. - Tách một phần diện tích Trụ sở Công ty Viglacera và khu dân cư liền kề (khu dãy Xoan cũ), 14 hộ về TDP số 24 Trung Hòa.				
24	Tổ dân phố số 37 Nhân Chính	TDP	Sắp xếp Tổ dân phố số 37 Nhân Chính và một phần Tổ dân phố số 7 Trung Văn, một phần Tổ dân phố số 1 Mễ Trì	Tổ dân phố Nhân Chính	733	2.178	
25	Tổ 24 Trung Hòa	TDP	Sáp nhập nguyên trạng Tổ dân phố số 24 Trung Hòa, Tổ dân phố số 24A Trung Hòa và một phần Tổ dân phố 1 Mễ Trì (tòa nhà Viglacera và 14 hộ gia đình liền kề)	Tổ dân phố số 1 Trung Hòa	1.132	3.601	
26	Tổ 24A Trung Hòa	TDP					
27	Tổ 24 B Trung Hòa	TDP	Giữ nguyên	Tổ dân phố số 2 Trung Hòa	780	1.103	

STT	Tên tổ dân phố	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
28	Tổ dân phố Liên Cơ	TDP	Cơ bản giữ nguyên (bổ sung một phần diện tích Khu tập thể X49, 20 hộ gia đình từ TDP số 18 Trung Văn)	Tổ dân phố Liên Cơ	748	2.667	
29	Tổ dân phố Ngọc Đại	TDP	Cơ bản giữ nguyên (tách một phần diện tích của khu đất 26 hộ đầu phố Ngọc Trục sang TDP số 1 Ngọc Trục)	Tổ dân phố Ngọc Đại	1.945	6.519	
30	Tổ dân phố số 2 Ngọc Trục	TDP	Giữ nguyên	Tổ dân phố số 2 Ngọc Trục	966	3.248	
31	Tổ dân phố số 1 Ngọc Trục	TDP	Cơ bản giữ nguyên (bổ sung một phần diện tích của khu đất 26 hộ đầu phố Ngọc Trục từ Tổ dân phố Ngọc Đại)	Tổ dân phố số 1 Ngọc Trục	1.201	4.208	
32	Tổ dân phố số 12 Đại Mỗ	TDP	Giữ nguyên	Tổ dân phố số 1 Đại Mỗ	809	2.568	
33	Tổ dân phố số 13 Đại Mỗ	TDP	Giữ nguyên	Tổ dân phố số 2 Đại Mỗ	1.214	4.248	
34	Tổ dân phố 12 Mộ Lao	TDP	Giữ nguyên	Tổ dân phố số 1 Mộ Lao	1.365	3.932	
35	Tổ dân phố 17 Mộ Lao	TDP	Giữ nguyên	Tổ dân phố số 2 Mộ Lao	1.470	4.695	

**PHỤ LỤC 3. PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỬ TRI ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG ĐẠI MỠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đại Mỗ, ngày tháng 6 năm 2026*

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỬ TRI  
Về việc sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Đại Mỗ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Đề án ngày .... của UBND phường Đại Mỗ về sắp xếp Tổ dân phố trên địa bàn phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số .../KH-UBND ngày 12/6/2026 của UBND phường Đại Mỗ về tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp Tổ dân phố trên địa bàn phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội;

Đề nghị cử tri đại diện hộ gia đình cho ý kiến về Phương án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Đại Mỗ.

Họ và tên người đại diện hộ gia đình:.....

Địa chỉ thường trú/nơi ở hiện nay:.....

Thời hạn thu phiếu: Trước.....giờ.....phút, ngày.....tháng 6 năm 2026.

Nội dung lấy ý kiến	Ý kiến người đại diện hộ gia đình		
	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác/ kiến nghị
<b>Sự cần thiết sắp xếp tổ dân phố:</b> Việc sắp xếp tổ dân phố là cần thiết nhằm đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định, phù hợp với đặc điểm đô thị của địa bàn, nâng cao hiệu quả quản lý, hiệu quả hoạt động của cộng đồng dân cư và tổ dân phố.			
<b>Phương án sắp xếp:</b> - Tên gọi sau sắp xếp:			

**Đại diện hộ gia đình**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Lưu ý:**

1. Phiếu dùng cho cử tri đại diện hộ gia đình.
2. Nếu đồng ý thì đánh dấu “X” vào ô đồng ý, nếu không đồng ý thì đánh dấu “X” vào ô không đồng ý, nếu không đánh dấu hoặc đánh dấu vào cả 02 ô đồng ý và không đồng ý là phiếu không hợp lệ.
3. Phiếu do UBND phường Đại Mỗ ban hành và đóng dấu treo; việc phát, thu, kiểm phiếu thực hiện theo Kế hoạch của UBND phường Đại Mỗ đã công khai.

**PHỤ LỤC 4. BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU/TỔNG HỢP PHIẾU LẤY Ý KIẾN**

**UBND PHƯỜNG ĐẠI MỠ  
TỔ PHÁT PHIẾU  
LẤY Ý KIẾN .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đại Mỗ, ngày tháng 6 năm 2026*

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỬ TRI ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH  
VỀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG ĐẠI MỠ**

Tổ phát phiếu lấy ý kiến:..... phường Đại Mỗ gồm có ..... người theo Quyết định số..... /QĐ-UBND ngày.../.../2026 của UBND phường Đại Mỗ:

- 1. Ông/Bà: .....
- 2. Ông/Bà:.....
- 3. Ông/Bà: .....
- 4. Ông/Bà: .....
- 5. Ông/Bà: .....
- .....

Đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình tại Tổ dân phố..... - Phường Đại Mỗ.

**KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU CỤ THỂ NHƯ SAU:**

**Lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình về Đề án sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Đại Mỗ**

- Tổng số hộ gia đình của TDP lấy ý kiến: ..... hộ.
- Số lượng hộ gia đình tham gia lấy ý kiến: ..... hộ
- Số phiếu phát ra: ..... phiếu.
- Số phiếu thu vào: ..... phiếu, tỷ lệ .....% so với số phiếu phát ra.
- Số phiếu hợp lệ: ....., tỷ lệ..... % so với số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến
- Số phiếu không hợp lệ: ....., tỷ lệ ...% so với số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến

**Kết quả:****1. Về sự cần thiết sắp xếp tổ dân phố:**

- Số phiếu đồng ý: ....., tỷ lệ .....% so với tổng số hộ gia đình của TDP.

- Số phiếu không đồng ý: ....., tỷ lệ .....% so với tổng số hộ gia đình của TDP

**2. Phương án sắp xếp, ranh giới, tên gọi tổ dân phố:**

- Số phiếu đồng ý: ....., tỷ lệ .....% so với tổng số hộ gia đình của TDP.

- Số phiếu không đồng ý: ....., tỷ lệ .....% so với tổng số hộ gia đình của TDP.

Biên bản được hoàn thành vào hồi ..... giờ ..... phút cùng ngày và lập thành 03 bản, gửi đến UBND phường Đại Mỗ 02 bản, lưu tổ dân phố lưu 01 bản./.

**TỔ TRƯỞNG**  
**TỔ PHÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**THỦ KÝ**  
**TỔ PHÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**CỬ TRI THỨ NHẤT**  
**CHỨNG KIẾN VIỆC KIỂM PHIẾU**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**CỬ TRI THỨ HAI**  
**CHỨNG KIẾN VIỆC KIỂM PHIẾU**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**PHỤ LỤC 5. BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN NHÂN DÂN**

<b>STT</b>	<b>Ý kiến/kiến nghị</b>	<b>Số lượng hộ/ý kiến</b>	<b>Nội dung tiếp thu, giải trình</b>	<b>Điều chỉnh trong Đề án</b>
1	...	...	...	Có/Không
2	...	...	...	...

**PHỤ LỤC 6. PHỤ LỤC RANH GIỚI/BẢN ĐỒ TỔ DÂN PHỐ**

*Có bản đồ ranh giới Tổ dân phố dự kiến sắp xếp kèm theo*



